

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 149/2022/DS-PT
Ngày: 21-6-2022
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Ông Đặng Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2022/TLPT- DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2022/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 70/2022/QĐPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Trần Thị T1, sinh năm 1927.
Địa chỉ: Khóm 4, thị t, huyện T, tỉnh C ..
2. Bà Đào Kim C1, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp Rạch Nhum, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.
3. Ông Đào Văn Ú t, sinh năm 1970
4. Bà Đào Hoa S, sinh năm 1964. Cùng địa chỉ: Khóm 4, thị t, huyện T, tỉnh C ..
5. Bà Đào Thị N2, sinh năm 1962; Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh C ..
6. Bà Đào Thị N1, sinh năm 1959; Địa chỉ: Khóm 7, thị t, huyện T, tỉnh C ..
7. Ông Đào Vĩnh T3, sinh năm 1958; Địa chỉ: Khóm 4, thị t, huyện T, tỉnh C ..
8. Bà Đào Thu H2, sinh năm 1955; Địa chỉ: Khóm 4, thị t, huyện T, tỉnh C ..
9. Ông Đào Văn Tánh, sinh năm 1953; Địa chỉ: Vịnh Nước sôi, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

10. Ông Đào Tông B, sinh năm 1949; Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn, huyện T, tỉnh C

..

11. Ông Đào Sơn H1, sinh năm 1947; Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn, huyện T, tỉnh C

..

Người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn: Bà Đào Hoa S, sinh năm 1964. Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn, huyện T, tỉnh C. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị T1: Ông Ngô Đức Bính – Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Cà Mau (có mặt).

Bị đơn:

1. Ông Huỳnh Việt T4, sinh năm 1960 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Diệu H3, sinh năm 1964 (vắng mặt).

3. Ông Phạm Minh L, sinh năm 1961 (có mặt).

4. Bà Nguyễn Kim C2, sinh năm 1962

Cùng địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Kim C2: Ông Phạm Minh L - Sinh năm: 1961 (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà M (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn, huyện T, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị T1, ông Đào Văn U, bà Đào Hoa S, ông Đào Vĩnh T3, bà Đào Thu H2, bà Đào Kim C1, bà Đào Thị N2, bà Đào Thị N1 – Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đào Hoa S đại diện các đồng nguyên đơn trình bày tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa:

Về nguồn gốc đất: Bà có diện tích đất của phụ âm để lại, vợ chồng bà quản lý và sử dụng đến ngày 03/8/1990 thì được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chồng bà là ông Đào Hứa Sử đứng tên với diện tích là 31.080m², đất tọa lạc tại khóm 4, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Vào ngày 20/12/1986 chồng bà T1 chết, nên Ủy ban thống nhất cho bà T1 đứng tên Giấy CNQSDĐ. Quá trình sử dụng, do bị đơn lấn đất nguyên đơn, nên các đồng nguyên đơn kiện đòi lại đất, như sau:

Phần đất thứ nhất: Do đất của bà T1 và đất của ông T4 nằm cặp ranh với nhau (đất ông T4 bên phải) theo chiều thẳng từ tiền tới hậu, do hai phần đất liền kề không có bờ bao xung quanh, nên vào năm 2001, ông T4 đã có hành vi lấn qua phần đất của bà T1. Hai bên tranh chấp, bà T1 đã nhiều lần yêu cầu chính quyền hòa giải và đã hòa giải thành, sau đó chính quyền địa phương có tiến hành cắm mốc ranh giới hai phần đất, sau khi chính quyền địa phương rời khỏi, thì ông T4 tự ý nhổ cột mốc, các bên tiếp tục tranh chấp. Nay, các đồng nguyên đơn kiện đòi vợ chồng ông T4 trả lại phần đất đã lấn chiếm theo đo đạc thực tế: Đất trồng cây lâu

năm là 305,9m², đất trồng lúa là 375,9m² (chiều ngang mặt tiền 7,2m, ngang mặt hậu 2,2m, dài 190,3 m, tổng diện tích 681,8m²).

Phần thứ hai: Đất của bà T1 và đất của ông L nằm cặp ranh với nhau (đất ông L bên trái) theo chiều thẳng từ mặt tiền về hướng hậu, giữa hai phần đất có bờ ranh do ông L đào đắp, vào đầu năm 2014 thì ông L đã có hành vi đào đất và lấn qua phần đất của bà, cụ thể theo đo đạc thực tế là: chiều ngang mặt tiền 2,1m, mặt hậu ngang 1,13m, dài 507,3 m, diện tích 800,7m².

Bị đơn ông Phạm Minh L và Nguyễn Kim C2 trình bày tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa:

Về nguồn gốc đất là do cha mẹ ông cho. Giữa đất của ông và đất của nguyên đơn có rãnh làm ranh. Ngoài đất vườn có bờ là do ông lên bờ, bờ này ông lên cặp với bờ sẵn có của nguyên đơn. Ông lập bờ từ mí vườn trở ra toàn bộ thửa 292, đối với thửa số 293 ông không lập bờ. Ông xác định không lấn chiếm đất của nguyên đơn, nên không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Phần đất do ông đứng tên hiện tại đang được thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Trần Văn Thời để vay vốn 300.000.000 đồng vào năm 2020. Hiện nay thanh toán xong không còn nợ.

Bị đơn ông Huỳnh Việt T4 và Nguyễn Diệu H3 trình bày tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa:

Về nguồn gốc đất là do mẹ ông là bà Trần Thị Út cho ông. Ông nhận canh tác đất từ năm 1990, đến ngày 16/02/1993 bà U làm giấy ủy quyền đất cho ông, ông xác định hiện trạng đất canh tác từ năm 1990 đến nay không thay đổi. Hiện tại Giấy CNQSDĐ bà U vẫn còn đứng tên (nhưng đã thay đổi thông tin vào năm 2018 vì đã tặng cho Huỳnh Việt T4). Tranh chấp giữa ông và nguyên đơn có giải quyết tại địa phương đều không thành. Ông xác định không lấn chiếm đất của nguyên đơn, nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Trần Văn Thời trình bày: Căn cứ Công văn số 26/CV của Ngân hàng ngày 19/01/2022, qua kiểm tra trên hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) chi nhánh huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, ông Phạm Minh L không còn nợ nên Ngân hàng không tham gia và cũng không yêu cầu gì trong vụ án này.

Từ nội dung vụ án nêu trên, Bản án sơ thẩm quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị T1, ông Đào Sơn H1, ông Đào Tòng B, ông Đào Võ T2, bà Đào Thu H2, ông Đào Vĩnh T3, bà Đào Thị N1, bà Đào Thị N2, bà Đào Hoa S, ông Đào Văn U, bà Đào Kim C1 về việc đòi ông Huỳnh Việt T4, bà Nguyễn Diệu H3; ông Phạm Minh L, bà Nguyễn Kim C2 giao trả tổng diện tích đất là 1.482.5m² tọa lạc tại khóm 4, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, trong đó: Phần đất diện tích 1.482.5m² (trong đó có hai đoạn gồm: đoạn thứ nhất của ông T4 có chiều ngang mặt tiền 7,2m, ngang mặt hậu 2,2m, dài 190,3m có độ xéo; đoạn thứ hai của ông L có chiều ngang mặt tiền 2,1m, mặt hậu ngang 1,13m, dài 507,3m).

(Theo Mảnh trích đo địa chính ngày 25/7/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Thời).

2. Chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu số tiền 3.098.000 đồng (nộp xong).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Trần Thị T1 được miễn toàn bộ án phí. Bà Trần Thị T1 đã dự nộp số tiền 900.000 đồng, ngày 19/4/2017 theo biên lai thu số 0006869 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được nhận lại.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04-02-2022, bà Trần Thị T1, ông Đào Văn U, bà Đào Hoa S, ông Đào Vĩnh T3, bà Đào Thu H2, bà Đào Kim C1, bà Đào Thị N2, bà Đào Thị N1 kháng cáo đề nghị xét xử sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Đào Hoa S đề nghị sửa án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Bà Đào Hoa S, ông Phạm Minh L xác định phần đất tranh chấp có nêu 03 cây dừa là trồng sát ranh đất của nguyên đơn, còn trong phạm vi đất tranh chấp đất đã đo đạc thì dừa này có ngã qua phần đọt, còn phần thân dừa vẫn ở phía đất nguyên đơn không nằm trên đất tranh chấp.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Đề nghị hủy án sơ thẩm, do án sơ thẩm không đưa bà Trần Thị Út vào tham gia tố tụng; chưa làm rõ cây trồng trên đất, nên sẽ ảnh hưởng đến việc thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm về án phí sơ thẩm, do mức án phí và đối tượng miễn án phí là không phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của các đồng nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm đã thụ lý đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung tranh chấp: Bà S đại diện cho các đồng nguyên đơn yêu cầu ông L, bà C2 trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế là 800,7m² (đất trồng cây lâu năm là 239,1m², đất trồng lúa 561,6 m²); và yêu cầu ông T4, bà H3 trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế là 681,8m² (đất trồng cây lâu năm là 305,9 m², đất trồng lúa là 375,9 m²). Nguyên đơn cho rằng vào năm 2016 phát hiện các bị đơn lấn qua phần đất của nguyên đơn, nguyên đơn đã yêu cầu chính quyền giải quyết,

nhưng không thành. Đối với các bị đơn xác định không có lần ranh nguyên đơn, nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về phần đất tranh chấp với ông T4, bà H3: Phần đất ông T4 sử dụng có nguồn gốc từ bà Trần Thị Út tặng cho lại. Ông T4 đã sử dụng phần đất từ năm 1990, ngày 16-02-1993 bà U có làm giấy ủy quyền cho đất ông T4; đến năm 2018 ông Huỳnh Việt T4 được bà U lập thủ tục tặng cho theo luật định, sau khi được tặng cho xong ông Huỳnh Việt T4 đã được đứng tên người sử dụng đất trên trang 4 Giấy CNQSDĐ (điều chỉnh trang 4) vào ngày 01-10-2018, với diện tích 16.870m² (Bút lục số 248). Tuy nhiên, theo đo đạc thực tế phần đất tranh chấp, so với phần đất được cấp, ông T4 đang sử dụng còn thiếu khoảng 900m², ranh đất tranh chấp giữa nguyên đơn với ông T4 đã được địa phương hòa giải xong, ông T4 vẫn sử dụng ranh đất như hòa giải tại địa phương, qua xem xét thẩm định, có khoảng 30 cây trồng các loại trên bờ tranh chấp (các bên xác định cây do ông T4 trồng từ năm 1990 dài trở lại đây, nguyên đơn đều không có ngăn cản). Đồng thời, khi địa phương làm lộ nông thôn qua đất, thì ông T4 là người đứng ra đóng tiền trước mặt phần đất tranh chấp. Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn xác định các bên sử dụng đất ổn định, không thay đổi vị trí. Từ đó, Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện đòi đất của vợ chồng ông T4 là phù hợp.

[4] Về phần đất tranh chấp đối với ông L, bà C2: Bị đơn xác định không lần đất đối với đất nguyên đơn, các bên sử dụng đất có cái rãnh ở giữa hai bên bờ; bị đơn có lập bờ đoạn giữa phần đất tại thửa 292 (thể hiện trong bản vẽ đo đạc), đoạn bờ này nằm cặp ranh với bờ của nguyên đơn; so Giấy CNQSDĐ với diện tích đo đạc thực tế đất của ông L sử dụng thì đất ông L vẫn còn thiếu so với Giấy CNQSDĐ được cấp khoảng 800m², trong khi nguồn gốc phần đất ông L sang nhượng của vợ chồng bà T1. Quá trình sử dụng đất nguyên đơn cho rằng bị đơn lấn đất, nhưng nguyên đơn không chứng minh được. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm, bà S cũng thừa nhận từ trước đến nay các bên đều sử dụng ổn định, không thay đổi vị trí, ranh giới các thửa đất. Hơn nữa, diện tích nguyên đơn sử dụng vẫn còn thừa 600m² so với Giấy CNQSDĐ được cấp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà S đại diện cho các đồng nguyên đơn và ông L đều xác định phần vị trí 03 cây dừa có ngã phần đọt qua bên đất tranh chấp, chứ gốc dừa vẫn nằm bên đất của nguyên đơn không có tranh chấp. Còn các cây tràm Úc, tại biên bản xem xét thẩm định xác định tự mọc đều được các bên ký xác nhận. Do nguyên đơn khởi kiện đòi đất vợ chồng ông L không có căn cứ, nên án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn là phù hợp.

[5] Từ cơ sở trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các đồng nguyên đơn, cần giữ nguyên phần tuyên xử đối với việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi đất của nguyên đơn đối với các bị đơn (như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị) là phù hợp.

[6] Về chi phí tố tụng: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc, thẩm định, định giá số tiền 3.098.000 đồng (nộp xong).

[7] Về án phí: Do Bản án sơ thẩm xác định nghĩa vụ phải chịu án phí sơ thẩm chỉ một người là bà Trần Thị T1, với số tiền là 900.000 đồng là không phù hợp. Trên cơ sở diện tích đất đã được định giá, các đồng nguyên đơn phải chịu án phí có giá ngạch 2.106.000 đồng (5% trên giá trị đất tranh chấp 42.120.000 đồng). Các đồng nguyên đơn không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện đều phải chịu án phí sơ thẩm. Tuy nhiên, xét 05 đương sự là người cao tuổi, có đơn xin miễn (gồm bà T1, bà N2, bà N1, ông T3, bà H2), nên được xét miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho họ là phù hợp với Điều 12, 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Đối với trường hợp Bản án sơ thẩm không đưa bà Trần Thị Út vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan điều này là có thiếu sót, song xét lời trình bày của bà U đã đầy đủ, đối với phần đất của bà U đã tặng cho ông T4 từ năm 1990, đến năm 1998 bà U lập thủ tục tặng cho ông T4; ông T4 đã được điều chỉnh sang tên trang 4 trên Giấy CNQSDĐ, bà U không còn quyền lợi gì đối với phần đất đã tặng cho, nên việc không đưa bà U tham gia tố tụng là không ảnh hưởng đến quyền lợi của bà U. Vì vậy, việc người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu hủy án sơ thẩm do vi phạm nội dung này là không cần thiết. Bên cạnh đó, trong phần quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn đối với các bị đơn đối với hai phần đất khác nhau, nhưng không tuyên từng phần diện tích đất là có sai sót, nên cần sửa cách tuyên án về nội dung này của Bản án sơ thẩm cho phù hợp.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị T1, Đào Văn U, Đào Hoa S, Đào Vĩnh T3, Đào Thu H2, Đào Kim C1, Đào Thị N2, Đào Thị N1.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2022/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau về án phí và cách tuyên án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị T1, ông Đào Sơn H1, ông Đào Tòng B, ông Đào Võ T2, bà Đào Thu H2, ông Đào Vĩnh T3, bà Đào Thị N1, bà Đào Thị N2, bà Đào Hoa S, ông Đào Văn U, bà Đào Kim C1 về việc kiện đòi ông Huỳnh Việt T4, bà Nguyễn Diệu H3 giao trả diện tích: 681,8m² (chiều ngang mặt tiền 7,2m, ngang mặt hậu 2,2m, dài 190,3m) và kiện đòi ông Phạm

Minh L, Nguyễn Kim C2 giao trả diện tích đất: 800,7m² (chiều ngang mặt tiền 2,1m, mặt hậu ngang 1,13m, dài 507,3m), đất tọa lạc khóm 4, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

(Kèm theo Bản trích đo địa chính ngày 25/7/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Thời).

2. Chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu số tiền 3.098.000 đồng (nộp xong).

- *Án phí sơ thẩm:* Các nguyên đơn phải chịu 2.106.000 đồng, miễn cho bà Trần Thị T1, bà Đào Thị N2, bà Đào Thị N1, ông Đào Vĩnh T3, bà Đào Thu H2. Ông Đào Sơn H1, ông Đào Tòng B, ông Đào Võ T2, bà Đào Hoa S, ông Đào Văn U, bà Đào Kim C1 phải nộp mỗi người 191.454 đồng (tổng cộng là 1.148.724 đồng), các đồng nguyên đơn đã nộp 900.000 đồng theo biên lai thu số: 0006869 ngày 19/4/2017, được đối trừ và nộp tiếp 248.724 đồng (mỗi người nộp 41.454 đồng) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trần Văn Thời.

- *Án phí phúc thẩm:* Miễn cho bà Trần Thị T1, Đào Thị N2, Đào Thị N1, Đào Vĩnh T3, Đào Thu H2. Bà Đào Hoa S, ông Đào Văn U, bà Đào Kim C1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng đã nộp tại các biên lai: 0004502, 0004500, 0004501 vào ngày 07-3-2022 tại Chi cục Thi hành án huyện Trần Văn Thời được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Út

